

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 30

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Huân	Thành viên
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban
Ông Trần Công Lộc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc 

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

Số tham chiếu: 61656017/22368703-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập Ngày 16 tháng 4 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Đăng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Đỗ Hữu Minh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5623-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		95.043.945.077	70.590.477.979
110	I. Tiền	4	28.847.763.880	5.889.676.307
111	1. Tiền		28.847.763.880	5.889.676.307
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	790.400.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	898.593.600
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(108.193.600)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.572.399.814	55.810.959.420
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.977.163.798	5.139.065.189
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.293.277.766	2.522.032.092
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	47.593.284.263	48.200.893.639
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(291.326.013)	(51.031.500)
140	IV. Hàng tồn kho	8	10.469.905.128	7.873.727.887
141	1. Hàng tồn kho		10.469.905.128	7.873.727.887
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		153.876.255	225.714.366
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	124.238.843	172.584.754
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.637.412	52.129.612
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.000.000	1.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		79.741.461.568	92.613.036.427
210	I. Khoản phải thu dài hạn		643.250.000	828.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	753.250.000	828.250.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(110.000.000)	-
220	II. Tài sản cố định		18.283.392.895	19.374.551.695
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	15.495.790.491	16.526.953.131
222	Nguyên giá		19.677.001.455	19.677.001.455
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.181.210.964)	(3.150.048.324)
227	2. Tài sản vô hình	10	2.787.602.404	2.847.598.564
228	Nguyên giá		2.999.808.000	2.999.808.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(212.205.596)	(152.209.436)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	40.729.333.344	41.284.583.340
231	1. Nguyên giá		42.210.000.000	42.210.000.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.480.666.656)	(925.416.660)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	19.697.133.302	6.224.211
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.697.133.302	6.224.211
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	23.157.160.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	23.157.160.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		388.352.027	7.962.267.181
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	261.352.032	7.765.384.820
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.711.219	-
269	3. Lợi thế thương mại	16	125.288.776	196.882.361
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		174.785.406.645	163.203.514.406

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.755.996.271	23.259.871.796
310	I. Nợ ngắn hạn		9.099.596.271	4.773.131.796
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	91.440.439
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.866.997.928	1.719.867.457
314	3. Phải trả người lao động		14.093.100	101.741.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		46.740.658	57.729.547
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		84.909.091	21.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		29.586.528	67.113.353
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	7.057.268.966	2.714.240.000
330	II. Nợ dài hạn		15.656.400.000	18.486.740.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	334.800.000	450.900.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	15.321.600.000	18.035.840.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		150.029.410.374	139.943.642.610
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	150.029.410.374	139.943.642.610
411	1. Vốn góp chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.822.041.526	7.753.153.718
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.753.153.718	4.116.402.022
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		10.068.887.808	3.636.751.696
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18.5	12.207.368.848	12.190.488.892
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		174.785.406.645	163.203.514.406



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	19.315.693.170	66.032.364.671
11	2. Giá vốn hàng bán	20	(12.746.853.208)	(52.609.062.139)
20	3. Lợi nhuận gộp		6.568.839.962	13.423.302.532
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.587.060.764	4.176.193.236
22	5. Chi phí tài chính	19.2	(2.516.466.848)	(2.891.392.495)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.077.295.896)	(2.592.973.128)
25	6. Chi phí bán hàng	22	(1.416.213.990)	(2.808.098.125)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(5.333.827.073)	(6.673.183.191)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.889.392.815	5.226.821.957
31	9. Thu nhập khác	23	5.229.563.038	195.052.167
32	10. Chi phí khác	24	(358.604.099)	(609.998.237)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		4.870.958.939	(414.946.070)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.760.351.754	4.811.875.887
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(1.676.295.210)	(1.102.667.248)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	1.711.219	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.085.767.763	3.709.208.639
61	16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		10.068.887.808	3.636.751.696
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		16.879.955	72.456.943
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.4	839	303
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.4	839	303



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.760.351.754	4.811.875.887
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	9, 10, 11, 16	1.718.002.382	1.718.002.382
03	Hoàn nhập dự phòng		350.294.513	108.428.050
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		46.047	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.682.004.664)	(4.176.193.236)
06	Chi phí lãi vay	19.2	2.077.295.896	2.783.198.895
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.223.985.928	5.245.311.978
09	Giảm các khoản phải thu		16.096.757.293	6.105.169.910
10	Tăng hàng tồn kho		(2.596.177.241)	(1.667.035.168)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(712.161.319)	120.264.184
12	Giảm chi phí trả trước		7.552.378.699	16.888.057.213
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		790.400.000	(898.593.600)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.077.295.896)	(2.758.469.348)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26	(1.096.798.382)	(601.118.271)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.181.089.081	22.433.586.898
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(19.690.909.091)	(6.224.211)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.000.000.000)	(17.126.780.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		29.835.324.000	2.660.000.000
27	Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.840.664	4.693.236
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.851.744.427)	(14.468.310.975)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	7.302.411.344	33.534.526.038
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(5.673.622.378)	(40.157.954.838)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.628.788.966	(6.623.428.800)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		22.958.133.620	1.341.847.123
60	Tiền đầu năm		5.889.676.307	4.547.829.184
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(46.047)	-
70	Tiền cuối năm	4	28.847.763.880	5.889.676.307

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 37 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 43).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có một công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

Công ty Cổ phần Linh Chi Vina một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304758331 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2006. Công ty Cổ phần Linh Chi Vina có trụ sở chính tại số 394/1 đường Hà Huy Giáp, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty Cổ phần Linh Chi Vina là trồng nấm và cung cấp các sản phẩm từ nấm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 60% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	10 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.12 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 30 - 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	129.313.051	150.571.640
Tiền gửi ngân hàng	28.718.450.829	4.905.104.667
Tiền đang chuyển	-	834.000.000
TỔNG CỘNG	<u>28.847.763.880</u>	<u>5.889.676.307</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	6.977.163.798	5.057.259.989
<i>Bà Lâm Thị Bích Trâm</i>	3.145.410.000	1.376.876.388
<i>Ông Mã Thành Đạt</i>	1.912.412.730	-
<i>Ông Nguyễn Khắc Ghi</i>	1.100.760.000	-
<i>Khác</i>	818.581.068	3.735.330.101
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	-	26.858.700
TỔNG CỘNG	<u>6.977.163.798</u>	<u>5.139.065.189</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Xây dựng Ngân Tháp	1.100.000.000	700.000.000
Khác	193.277.766	1.822.032.092
TỔNG CỘNG	<u>1.293.277.766</u>	<u>2.522.032.092</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	47.593.284.263	48.200.893.639
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi (*)	16.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	14.835.324.000	-
Tạm ứng nhân viên	4.249.470.000	380.977.574
Ông Phạm Văn Sơn	2.815.000.000	19.450.000.000
Bà Nguyễn Đặng Kiều Đông	441.290.263	-
Khác	9.252.200.000	28.369.916.065
Dài hạn	753.250.000	828.250.000
Ký quỹ ký cược	643.250.000	718.250.000
Khác	110.000.000	110.000.000
TỔNG CỘNG	48.346.534.263	49.029.143.639
Dự phòng phải thu khó đòi	(401.326.013)	(51.031.500)
GIÁ TRỊ THUẬN	47.945.208.237	48.978.112.139

(*) Đây là khoản ứng tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các thủ tục pháp lý đang được hoàn thiện.

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	6.161.714.976	3.496.908.558
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.528.970.406	1.570.060.228
Thành phẩm	1.602.222.065	2.148.247.129
Hàng gửi đi bán	144.961.478	128.925.769
Công cụ dụng cụ	32.036.203	32.036.203
Hàng đang đi đường	-	497.550.000
TỔNG CỘNG	10.469.905.128	7.873.727.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	<u>18.014.500.000</u>	<u>376.828.000</u>	<u>1.285.673.455</u>	<u>19.677.001.455</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(2.348.120.832)	(93.333.324)	(708.594.168)	(3.150.048.324)
Khấu hao trong năm	<u>(864.912.504)</u>	<u>(39.999.996)</u>	<u>(126.250.140)</u>	<u>(1.031.162.640)</u>
Số cuối năm	<u>(3.213.033.336)</u>	<u>(133.333.320)</u>	<u>(834.844.308)</u>	<u>(4.181.210.964)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>15.666.379.168</u>	<u>283.494.676</u>	<u>577.079.287</u>	<u>16.526.953.131</u>
Số cuối năm	<u>14.801.466.664</u>	<u>243.494.680</u>	<u>450.829.147</u>	<u>15.495.790.491</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>2.999.808.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(152.209.436)
Hao mòn trong năm	<u>(59.996.160)</u>
Số cuối năm	<u>(212.205.596)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>2.847.598.564</u>
Số cuối năm	<u>2.787.602.404</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>22.210.000.000</u>	<u>42.210.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(925.416.660)	(925.416.660)
Hao mòn trong năm	-	(555.250.000)	(555.250.000)
Số cuối năm	-	(1.480.666.660)	(1.480.666.660)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>21.284.583.340</u>	<u>41.284.583.340</u>
Số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.729.333.340</u>	<u>40.729.333.340</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Văn phòng công ty tại Phước Kiển, Nhà Bè (*)	19.600.000.000	-
Khác	<u>97.133.302</u>	<u>6.224.211</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.697.133.302</u>	<u>6.224.211</u>

(*) Đây là chi phí quyền sử dụng đất tại Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	124.238.843	172.584.754
Khác	124.238.843	172.584.754
Dài hạn	261.352.032	7.765.384.820
Chi phí thuê sạp	-	7.492.030.178
Khác	<u>261.352.032</u>	<u>273.354.642</u>
TỔNG CỘNG	<u>385.590.875</u>	<u>7.937.969.574</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.093.840.592	1.676.295.210	(1.096.798.382)	1.673.337.420
Thuế giá trị gia tăng	510.586.404	1.104.658.578	(1.455.392.671)	159.852.311
Thuế thu nhập cá nhân	115.440.461	197.469.797	(279.102.061)	33.808.197
TỔNG CỘNG	<u>1.719.867.457</u>	<u>2.978.423.585</u>	<u>(2.831.293.114)</u>	<u>1.866.997.928</u>

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	<u>334.800.000</u>	<u>450.900.000</u>

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>357.967.930</u>
Giá trị phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(161.085.568)
Phân bổ trong năm	<u>(71.593.586)</u>
Số cuối năm	<u>(232.679.154)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>196.882.362</u>
Số cuối năm	<u>125.288.776</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	VND
Ngắn hạn	2.714.240.000	10.016.651.344	(5.673.622.378)	7.057.268.966	
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	-	7.302.411.344	(2.959.382.378)	4.343.028.966	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	2.714.240.000	2.714.240.000	(2.714.240.000)	2.714.240.000	
Dài hạn	18.035.840.000	-	(2.714.240.000)	15.321.600.000	
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	18.035.840.000	-	(2.714.240.000)	15.321.600.000	
TỔNG CỘNG	20.750.080.000	10.016.651.344	(8.387.862.378)	22.378.868.966	

17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	4.343.028.966	Ngày 3 tháng 1 năm 2021	6.84 – 7.20	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 là AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bầu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 030/NHNT-KH/TC/20 ký ngày 3 tháng 1 năm 2020

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bình Tây	15.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 6 năm 2028	8.7 – 10.8	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
				Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
				Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bình Tây	3.035.840.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 3 năm 2025	8.7 – 11.1	Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
TỔNG CỘNG	18.035.840.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	2.714.240.000			
Vay dài hạn	15.321.600.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước:			
Số dư đầu năm	120.000.000.000	4.116.402.022	124.116.402.022
Lợi nhuận thuần trong năm	-	3.636.751.696	3.636.751.696
Số cuối năm	<u>120.000.000.000</u>	<u>7.753.153.718</u>	<u>127.753.153.718</u>
Năm nay:			
Số đầu năm	120.000.000.000	7.753.153.718	127.753.153.718
Lợi nhuận thuần trong năm	-	10.068.887.808	10.068.887.808
Số cuối năm	<u>120.000.000.000</u>	<u>17.822.041.526</u>	<u>137.822.041.526</u>

18.2 Chi tiết vốn cổ phần

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	3.600.000	30,00
Ông Đặng Đức Thành	3.193.000	26,61
Các cổ đông khác	5.207.000	43,39
TỔNG CỘNG	<u>12.000.000</u>	<u>100</u>

18.3 Cổ phiếu

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.4 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.068.887.808	3.636.751.696
Lãi thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.068.887.808	3.636.751.696
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	839	303

18.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	12.190.488.893	12.118.031.950
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.879.955	72.456.943
Số cuối kỳ	12.207.368.848	12.190.488.893

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán hàng	10.997.760.661	41.259.425.980
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.338.118.874	4.492.193.236
Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	6.979.813.635	20.280.745.455
TỔNG CỘNG	19.315.693.170	66.032.364.671
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	12.152.409.536	46.432.417.597
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	7.163.283.634	19.599.947.074

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi chuyển nhượng cổ phần	9.583.220.100	4.171.500.000
Lãi tiền gửi	3.840.664	4.693.236
TỔNG CỘNG	9.587.060.764	4.176.193.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	4.612.422.878	35.238.983.874
Giá vốn cho thuê mặt bằng	728.522.488	1.888.105.456
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	7.405.907.842	15.481.972.809
TỔNG CỘNG	<u>12.746.853.208</u>	<u>52.609.062.139</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.077.295.896	2.592.973.128
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	325.427.089	190.225.767
Lỗ chênh lệch tỷ giá	113.743.863	-
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	-	108.193.600
TỔNG CỘNG	<u>2.516.466.848</u>	<u>2.891.392.495</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.416.213.990	2.808.098.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	819.112.378	1.795.754.794
Chi phí hoa hồng	161.753.000	312.545.334
Chi phí bao bì	112.916.037	239.828.280
Chi phí bằng tiền khác	322.432.575	459.969.717
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.333.827.073	6.673.183.191
Chi phí nhân viên quản lý	3.823.397.016	4.456.943.424
Chi phí dự phòng	401.326.013	234.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.186.732	273.186.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.209.413	912.933.657
Chi phí bằng tiền khác	581.707.899	1.029.884.928
TỔNG CỘNG	<u>6.750.041.063</u>	<u>9.481.281.316</u>

23. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu	5.074.372.000	-
Khác	155.191.038	195.052.167
TỔNG CỘNG	<u>5.229.563.038</u>	<u>195.052.167</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài trợ	99.333.324	99.333.324
Khấu hao tài sản ngưng hoạt động	59.996.160	59.996.160
Khác	199.274.615	450.668.753
TỔNG CỘNG	<u>358.604.099</u>	<u>609.998.237</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	10.641.068.992	49.949.172.880
Chi phí nhân công	4.643.069.799	5.478.274.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.586.412.636	4.161.545.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.082.780.293	863.646.270
Khác	1.544.784.829	1.977.522.155
TỔNG CỘNG	<u>19.498.116.549</u>	<u>62.430.160.869</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm nay	1.676.295.209	1.102.667.246
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.711.219)	-
TỔNG CỘNG	<u>1.674.583.990</u>	<u>1.102.667.246</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.760.351.754	4.811.875.887
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.352.070.351	962.375.177
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	40.925.872	140.292.069
Ưu đãi thuế (*)	(718.412.232)	-
Chi phí thuế TNDN	1.674.583.991	1.102.667.246

(*) Nhóm Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và công ty con đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chưa thực hiện	1.711.219	-	1.711.219	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.711.219	-		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			1.711.219	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	7.119.129.089	19.487.694.546
		Thu hộ	1.116.050.000	-
		Phí hoa hồng	34.223.364	627.436.727
Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	Bên liên quan đến ngày 6 tháng 9 năm 2020	Cho mượn	700.000.000	-
		Bán hàng hóa	28.154.545	112.252.528
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Cán trừ công nợ	9.435.000.000	-
		Nhận tạm ứng	9.435.000.000	-
		Chi hộ	350.000.000	-
		Bán hàng hóa	16.000.000	-
Bà Lâm Thị Thanh Bích	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Mua cổ phiếu	7.176.140.000	-
Bà Đặng Bích Hồng	Cổ đông	Tạm ứng	19.059.000.000	-
		Hoàn tạm ứng	19.059.000.000	-

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông	Bán hàng hóa	-	26.858.700

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

			VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao, thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			975.000.000	900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đến 1 năm	492.000.000	567.136.364
Từ 1 – 5 năm	<u>275.000.000</u>	<u>407.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>767.000.000</u>	<u>974.136.364</u>

29. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	354,21	293,11

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Nhóm Công ty đã thông qua Quyết định số 09/BB-TDX, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 3.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu tương đương giá trị là 30.000.000.000 VND. Vào ngày 19 tháng 1 năm 2021, Công ty nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cập nhật vốn điều lệ mới là 150.000.000.000 VND. Cũng tại ngày này, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Quyết định số 11/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu tương đương giá trị là 110.000.000.000 VND để tăng vốn điều lệ Công ty lên 260.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Quyết định số 15/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 6.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu tương đương giá trị là 60.000.000.000 VND để tăng vốn điều lệ Công ty lên 320.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 8.

Ngoài những sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

About EY

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2019 Ernst & Young Vietnam Limited
All Rights Reserved.

ey.com